

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 1986-2016

TRẦN THỊ HẰNG

Học viện Chính trị khu vực III

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: hangtranhv3@gmail.com

Tóm tắt: Chính thức có mặt ở Gia Lai từ năm 1938, hơn 80 năm qua, đạo Tin Lành đã có sự phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những tôn giáo có ảnh hưởng lớn tại địa phương này. Bài viết sẽ phân tích những đặc điểm phát triển của đạo Tin Lành trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai giai đoạn 1986-2016, như: Đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển nhanh; phát triển chủ yếu trong cộng đồng người Gia-rai và Ba-na; Đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển không đều giữa các hệ phái và các địa bàn trong tỉnh.

Từ khóa: Tin Lành, phát triển, Gia Lai, dân tộc thiểu số, đặc điểm.

1. MỞ ĐẦU

Tỉnh Gia Lai nằm ở phía Bắc khu vực Tây Nguyên, với dân số khoảng trên 1,3 triệu người, gồm 38 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 44,3%. Là một tôn giáo du nhập vào Gia Lai từ năm 1938, trải qua nhiều giai đoạn phát triển thăng trầm, hiện nay đạo Tin Lành đã trở thành một trong những tôn giáo lớn và có những ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều mặt đời sống xã hội trong cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Gia Lai, với 127.248 tín đồ, trong đó 98,7% số tín đồ là đồng bào DTTS (tính đến tháng 11-2016) [6].

2. NỘI DUNG

2.1. Một số nét khái quát về sự du nhập, phát triển đạo Tin Lành ở Gia Lai

Từ cuối những năm 1920, Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp¹ (CMA) có những bước đi đầu tiên nhằm phát triển đạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Năm 1929, mục sư người Mỹ H.A Jakson đến Đà Lạt truyền đạo cho người Coho, sau đó là người Ê Đê ở Buôn Ma Thuột. Đến nửa đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XX, hai trung tâm truyền đạo Tin Lành hình thành tại Đà Lạt và Buôn Ma Thuột.

Tại Gia Lai, một tỉnh miền núi phía bắc của khu vực Tây Nguyên, năm 1938, mục sư Phạm Xuân Tín thuộc CMA được cử đến Cheo Reo (Auynpa ngày nay) để thực hiện công cuộc truyền giáo của Tin Lành. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu việc truyền giáo tại Gia Lai gặp rất nhiều khó khăn nên suốt gần 1 thập kỷ, số tín đồ mới được khoảng 70-80 người, chủ yếu là người Kinh từ các địa phương khác vừa đến sinh sống tại Pleiku. Năm 1950, mục sư Trương Văn Sáng được cử lên thay mục sư Phạm Xuân Tín. Năm 1951, với sự giúp đỡ của CMA, Hội thánh Pleiku mua đất xây dựng một nhà thờ và cử

¹ Được dịch ra từ cụm từ tiếng Anh: The Christian and Missionary Alliance, viết tắt là CMA.

mục sư Mănggan cùng một số mục sư Việt lên hoạt động. Năm 1952, địa hạt Thượng du được thành lập bao gồm các chi hội Tin Lành người dân tộc tại chỗ, do đó, công cuộc truyền giáo của Tin Lành ở Gia Lai có thêm những bước tiến mới. Dầu vậy, cho đến trước năm 1954, việc truyền đạo Tin Lành tại Gia Lai cũng chỉ dừng lại ở mức độ thăm dò, kết quả chưa cao.

Sau năm 1954 là thời điểm Tin Lành ở Gia Lai phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh việc củng cố tổ chức giáo hội người Kinh, CMA chú tâm phát triển đạo vào vùng DTTS, nhất là những làng nằm ở xung quanh các căn cứ quân sự Mỹ, nhằm tạo một vành đai xã hội bên ngoài chống sự xâm nhập của cách mạng. Đến trước ngày 30-4-1975, trên địa bàn Gia Lai có 27 hội thánh, 10 mục sư, 21 truyền đạo, 131 người là thành viên Ban Chấp sự, 31 nhà thờ với 27.000 tín đồ sinh hoạt tại 8 huyện, thị và 42 xã, phường, thị trấn [4, tr.3].

Sau ngày 30-4-1975, hệ thống tổ chức và chức sắc của đạo Tin Lành ở Gia Lai bị phân hoá cao độ. Một số mục sư, tuyên úy bỏ chạy ra nước ngoài, số còn lại về quê. Trên thực tế, thời gian này ở Gia Lai chỉ còn hai hệ phái: hệ người Kinh gồm các chi hội chịu sự chỉ đạo của địa hạt Trung bộ (Đà Nẵng) và hệ người Thượng gồm các chi hội chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trung thượng hạt (Đăk Lăk). Và cũng vào thời điểm này, tổ chức FULRO² lợi dụng một số mục sư, tín đồ là người DTTS để phát triển lực lượng, xây dựng căn cứ, chống lại chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, để đấu tranh xoá bỏ tổ chức phản động này nhằm ổn định tình hình chính trị, năm 1982, đạo Tin Lành ở Gia Lai đã bị chính quyền địa phương đình chỉ hoạt động. Tuy nhiên, mặc dù bất hợp pháp nhưng các mục sư vẫn âm thầm truyền đạo bằng nhiều hình thức. Thế nên, tín đồ theo đạo Tin Lành ở Gia Lai thời gian này không những không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng. Đến tháng 9-1994, số lượng tín đồ Tin Lành ở Gia Lai đã phát triển lên tới 34.576 người, chủ yếu là người Ba-na và Gia-rai, chiếm 4% dân số toàn tỉnh, ở 9/11 huyện, thị xã, với 93/153 xã phường, thị trấn, gồm 276 làng dân tộc. Và đến tháng 11-2000, số tín đồ Tin Lành ở Gia Lai đã tăng lên tới 68.138 người, trong đó có 65.408 tín đồ là người DTTS [5, tr.5].

Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân vào năm 2001, đặc biệt là sau Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ “Về một số công tác đối với đạo Tin Lành” năm 2005, đạo Tin Lành ở Gia Lai có sự phát triển mạnh cả về số lượng tín đồ, tổ chức hệ phái và địa bàn truyền đạo. Tính đến tháng 11-2016, toàn tỉnh Gia Lai có 18 hệ phái Tin Lành đang sinh hoạt với 127.248 tín đồ [11, tr.2].

2.2. Đặc điểm phát triển của đạo Tin Lành ở Gia Lai giai đoạn 1986-2016

2.2.1. Đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển nhanh

Mặc dù du nhập vào Gia Lai muộn hơn nhiều địa phương khác ở Tây Nguyên và gặp không ít những trở ngại do vấp phải tín ngưỡng truyền thống của đồng bào và chính sách của của chính quyền. Chỉ từ sau khi Đảng tiến hành công cuộc Đổi mới (1986), đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển rất nhanh. Nếu như năm 1986, số tín đồ đạo Tin Lành

² Tên viết tắt của tổ chức “Front Unifié de Liberation des Races Opprimées” tức “Mặt trận thống nhất giải phóng các chủng tộc bị áp bức”, một tổ chức vũ trang phản động do nước ngoài nuôi dưỡng và chỉ đạo.

ở Gia Lai chỉ có 12.000 người thì đến năm 2016 đã lên tới 127.248 người. Như vậy, số tín đồ đã tăng lên 115.248 người, tức tăng gấp 10,6 lần trong vòng 30 năm³.

Để thấy rõ hơn sự phát triển nhanh của đạo Tin Lành tại Gia Lai, chúng ta có thể so sánh với một số địa bàn ở Tây Nguyên và miền Trung. Đối với tỉnh Lâm Đồng, là nơi đạo Tin Lành du nhập vào sớm nhất tại khu vực Tây Nguyên, năm 1929, người dân tộc Cơ-ho đầu tiên đã theo đạo Tin Lành. Tuy nhiên, đến năm 2016, đạo Tin Lành ở Lâm Đồng có 92.593 tín đồ [2] (chiếm khoảng 7,1% dân số), chỉ bằng 72,7% số tín đồ của đạo Tin Lành ở Gia Lai. Với tỉnh Đắk Lắk, nơi đạo Tin Lành vào sớm hơn Gia Lai, đến năm 2015, số tín đồ đạo Tin Lành tại Đắk Lắk là 162.389 tín đồ [18, tr.1] (chiếm 8,8% dân số toàn tỉnh), trong khi tỉ lệ này ở Gia Lai là gần 10%. Như vậy, xét về số lượng tín đồ thì đạo Tin Lành ở Đắk Lắk nhiều hơn số tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai, tuy nhiên tính theo tỉ lệ dân số thì tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai chiếm tỉ lệ so với dân số trong tỉnh lớn hơn số lượng tín đồ của đạo Tin Lành ở Đắk Lắk.

Đối với tỉnh Kon Tum, năm 2016 số tín đồ Tin Lành ở địa phương là 17.428 tín đồ (chiếm khoảng 3,3% dân số của tỉnh) của 13 hệ phái, với 87 chức sắc trong đó gồm 45 mục sư, 42 truyền đạo (Trong đó, Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam có 82 chức sắc (41 mục sư, 41 truyền đạo), TLVN (MN) có 2 chức sắc đều là mục sư, Tin Lành Trưởng Lão có 2 mục sư, Cơ đốc Phục lâm Việt Nam có 01 truyền đạo) [3]. Như vậy, tính đến thời điểm năm 2016, số tín đồ đạo Tin Lành tỉnh Gia Lai nhiều gấp 7,3 lần⁴ so với tín đồ đạo Tin Lành tại tỉnh Kon Tum và số chức sắc của đạo Tin Lành ở Gia Lai cũng gấp 1,5 lần.

Không chỉ phát triển nhanh so với một số địa phương ở Tây Nguyên mà đạo Tin Lành còn có tốc độ phát triển nhanh hơn so với các tôn giáo có mặt ở Gia Lai sớm hơn như Công giáo, Phật giáo. Công giáo có mặt ở Gia Lai từ giữa thế kỷ XIX, nhưng đến năm 2015 thì số tín đồ của đạo Công giáo cũng chỉ có 140.793 người (chiếm 40,23% tổng số tín đồ); Phật giáo thì đến năm 2015 cũng chỉ có 81.484 tín đồ (chiếm 23,3% tổng số tín đồ). Trong khi đó, đạo Tin Lành mới vào Gia Lai từ năm 1938, nhưng đến 2016 đã có 127.248 tín đồ (chiếm khoảng 37% tổng số tín đồ), gấp hơn 1,5 lần so với đạo Phật và bằng 90,8% so với Công giáo.

2.2.2. Đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển không đều giữa các dân tộc thiểu số, giữa các hệ phái và giữa các địa bàn

2.2.2.1. Đạo Tin Lành phát triển không đều giữa các dân tộc thiểu số

Một trong những mối quan tâm lớn của Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp từ khi đặt cơ sở đầu tiên tại Việt Nam năm 1911 là đưa Tin Lành đến với các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Tuy vậy, phải đến năm 1929, công việc truyền giáo lên Tây Nguyên mới chính thức được bắt đầu với sự kiện vợ chồng giáo sĩ người Mỹ Herbert A. Jackson đến Đà Lạt thiết lập trụ sở truyền giáo đầu tiên cho các tộc người dân tộc thiểu số tại chỗ ở khu vực này. Trong giai đoạn đầu truyền giáo ở Tây Nguyên, đạo Tin Lành vấp phải sự cản trở của chính quyền thực dân Pháp, bởi Pháp lo sợ sự can thiệp của Mỹ vào khu vực

³ Sự tính toán của tác giả.

⁴ Tác giả tính toán dựa trên số liệu thu thập được.

này thông qua hoạt động của các giáo sĩ CMA. Bên cạnh đó, những hạn chế về tài chính và nhân sự nên hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ trong thời kì đầu chủ yếu diễn ra ngay tại trụ sở truyền giáo Đà Lạt, khó có thể vươn tới các làng dân tộc thiểu số. Vì thế, các giáo sĩ đã tích cực lựa chọn và đào tạo những người dân tộc thiểu số trở thành lực lượng tiên phong trong việc mang Phúc Âm đến với tộc người mình và những tộc người lân cận, gần gũi về văn hóa và ngôn ngữ.

Tại Gia Lai, Mục sư Ksor Ghao, Truyền đạo Ksor Tit, ông Rmah Cil là những người đầu tiên được học Kinh Thánh với các Giáo sĩ của Hội truyền giáo Phúc âm Liên hiệp. Mục sư Nay Kial, Mục sư Ksor Brao, Mục sư Grup, Mục sư Kpã Khoan, Mục sư Nay Ciom, Mục sư Ksor Bing là những người kế tiếp trong việc học Kinh Thánh, truyền giảng Tin Lành [15, tr.1]. Những mục sư và truyền đạo này đã nỗ lực truyền giảng Tin Lành tại các buôn làng trong cộng đồng người Gia-rai và Ba-na. Đồng thời, lúc này Kinh Thánh cũng được các Mục sư Mangham, Trương Văn Sáng và Charles Long cùng với những cộng tác viên dịch sang tiếng Gia-rai.

Trong suốt quá trình từ khi du nhập đến giai đoạn sau này, tại Gia Lai đạo Tin Lành vẫn phát triển chủ yếu trong cộng đồng các dân tộc Gia-rai và Ba-na. Tính đến năm 2016, 124.048 trong tổng số 127.248 tín đồ của đạo Tin Lành ở Gia Lai là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm đến 97,5%, nhiều nhất là 2 dân tộc thiểu số tại chỗ là Gia-rai và Ba-na, chiếm đến 95,6% (trong đó, tín đồ người Gia-rai chiếm khoảng 70,4% và tín đồ người Ba-na chiếm 25,2%), các dân tộc thiểu số khác chỉ chiếm khoảng 1,9 % số tín đồ)⁵.

Trong số 18 hệ phái thì chỉ có 8 hệ phái có tín đồ là người Kinh với tổng số 3.200 người, chỉ chiếm khoảng 2,5 % số tín đồ. Trong đó, số tín đồ người Kinh trong hệ phái TLVN (MN) là 2.742 người, Báp-tít liên hiệp 167 người, Phúc âm đời đời 11 người, Phúc âm đáng Christ là 10 người, Liên đoàn Truyền giáo Việt Nam với 10 người, Trưởng Lão 9 người, Truyền giảng phúc âm 23 người, Liên hữu Cơ đốc 6 người [10, tr.1].

Có thể thấy, ngoài những nguyên nhân chung đã được phân tích ở phần trên, sở dĩ đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển chủ yếu trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số tại chỗ là Gia-rai và Ba-na bởi một số lý do sau: Trước hết, đạo Tin Lành vào Việt Nam muộn hơn các tôn giáo khác như Phật giáo, Công giáo. Thế nên tại những vùng đồng bằng, phần lớn những người có nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng thì đã theo Phật giáo và Công giáo. Vì vậy, đồng bào các dân tộc thiểu số là đối tượng được các nhà truyền giáo Tin Lành chú ý, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ, có dân số đông, chiếm vị trí chủ yếu trong vùng là những dân tộc được quan tâm đặc biệt trong công tác truyền giáo. Và ở Gia Lai, như đã đề cập ở phần trước, trong khi đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 44% dân số thì hai dân tộc thiểu số lâu đời và đông đảo nhất cư trú tại địa phương này là Gia-rai và Ba-na, chiếm đến 41% (người Gia-rai chiếm 29,1% dân số, người Ba-na chiếm 11,8% dân số) [17, tr.25], 36 dân tộc thiểu số còn lại chỉ chiếm khoảng 3% dân số mà thôi. Người Gia-rai tập trung nhiều nhất ở các huyện phía

⁵ Tính toán của tác giả dựa trên cơ sở tổng hợp số liệu thu thập được từ Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai.

Nam và phía Đông, trong đó bao gồm huyện Krông Pa với 68,2% dân số là người Gia-rai và những huyện khác như Ia Pa, Chư Sê, Chư Prông, Phú Thiện, thị xã Ayun Pa, Chư Păh, Ia Grai và Đứơc Cơ. Tổng dân số người Gia-rai sống trên các huyện phía Đông và phía Nam chiếm khoảng 85% dân số người Gia-rai trên toàn tỉnh [17, tr.25], chỉ một phần nhỏ sống trên các huyện phía Bắc và phía Tây. Khoảng 80% người Ba-na sống tại các huyện Đông Bắc bao gồm Kông Chro (66,9% tổng dân số huyện) và Mang Yang (57,8%), K'Bang (32,3%), Đăk Đoa (36,6%) [17, tr.25]. Một điều dễ nhận thấy, những huyện có sự phân bố đông đảo của người Gia-rai và Ba-na phần lớn là những địa phương có số lượng tín đồ đạo Tin Lành lớn tại Gia Lai như Đăk Đoa, Krông Pa, Ayun Pa, Chư Prông, Ia Grai, Đứơc Cơ...

Bên cạnh đó, đối với đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và người Gia-rai, Ba-na ở Gia Lai nói riêng, tính cố kết cộng đồng rất cao. Chính vì vậy, khi một người theo đạo Tin Lành sẽ dẫn đến hai trường hợp: Thứ nhất, họ có thể bị cô lập, loại ra khỏi làng, thứ hai là nếu muốn duy trì đức tin của mình họ sẽ phải thuyết phục, lôi kéo những người khác theo mình. Do đó, để tránh bị cô lập, các tín đồ người dân tộc thiểu số tại các làng người Gia-rai và Ba-na cố gắng tuyên truyền, thuyết phục những người khác trong làng theo đạo Tin Lành. Và khi trong làng có số lượng tín đồ khá đông sẽ tạo ra một áp lực đối với những người còn lại trong làng. Cũng cần nói thêm rằng, có một quy định trong giáo lý đạo Tin Lành là mỗi tín đồ phải có trách nhiệm đi truyền giảng Tin Lành cho những người chưa theo đạo. Thế nên, việc truyền đạo Tin Lành nói chung và ở Gia Lai nói riêng không chỉ được thực hiện bởi các chức sắc tôn giáo mà mỗi tín đồ cũng phải trở thành một sứ giả rao giảng Tin Lành, một truyền đạo tự nguyện. Do đó, phương thức truyền đạo đặc trưng là làm chứng đạo theo kiểu “rỉ tai”. Với phương thức này, khi truyền giáo, các tín đồ thường kể những câu chuyện liên quan đến sự trải nghiệm của chính bản thân mình, gia đình mình như việc theo đạo Tin Lành đã làm thay đổi suy nghĩ, đạo đức, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bản thân họ hoặc người thân họ không còn uống rượu, hút thuốc; vì đã có Chúa che chở nên trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt hàng ngày họ không còn sợ ma quỷ hoặc các thế lực siêu nhiên xấu xa hãm hại; khi đau ốm, họ chỉ cần cầu nguyện hoặc uống thuốc của giáo sĩ thì Chúa sẽ giúp cho khỏi bệnh, không cần phải cúng thần linh tốn kém như trước đây, vì vậy mà tiết kiệm được nhiều trâu, bò và tài sản,... Có thể thấy, cách thức mở rộng và phát triển tín đồ theo phương pháp “vết dầu loang” này rất hiệu quả trong quá trình truyền bá đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai, đặc biệt là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số người Ba-na và Gia-rai. Cũng chính nhờ phương thức này, đạo Tin Lành đã vượt qua được những trở ngại về mặt địa lý, đã len lỏi vào tận những góc ngách xa xôi tại những vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai. *Ngoài ra*, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng có tục “bỏ mã”. Theo quan niệm của đồng bào Gia-rai, Ba-na,... người chết từ một năm trở lên (có khi 3 đến 5 năm, thậm chí 10 năm tùy thuộc điều kiện của gia đình) sẽ được làm lễ bỏ mã. Đây là ngày hội mừng người sống được gặp gỡ, chung vui lần cuối cùng với người đã khuất, trước khi tiễn biệt họ về một thế giới khác. Chỉ sau khi làm lễ bỏ mã, người sống mới yên tâm rằng mình đã làm tròn bổn phận với người đã khuất và người chết mới có thể tái sinh vào kiếp khác, tiếp tục một cuộc đời mới. Nhưng sau lễ đó, gia đình không làm bất cứ

điều gì liên quan đến mô mả nữa, không có đám giỗ hàng năm cho người chết giống như người Kinh. Điều này ở một khía cạnh nhất định có sự tương thích với quy định không thờ cúng của đạo Tin Lành. Vì vậy, đạo Tin Lành khi vào các vùng dân tộc thiểu số sẽ dễ hơn đối với đồng bào người Kinh, nơi mà phong tục thờ cúng ông bà, cha mẹ, những người thân đã mất được in hằn như một nét văn hóa điển hình.

Tình hình này vừa có nét riêng, vừa có nét chung so với các tỉnh khác: Ở miền núi, hầu hết tín đồ Tin Lành là đồng bào dân tộc thiểu số và tập trung vào một số cộng đồng bản địa lâu đời. Chẳng hạn, ở tỉnh Đắk Lắk, tín đồ đạo Tin Lành chủ yếu là đồng bào dân tộc Ê-đê và M'Nông, ở tỉnh Lâm Đồng, tín đồ lại chủ yếu là dân tộc Cơ-ho, ở Kon Tum đạo Tin Lành phát triển mạnh trong dân tộc Giê-Triêng.

2.2.2.2. Đạo Tin Lành phát triển không đều giữa các hệ phái

Tại Gia Lai, đến cuối năm 2016, đã có đến 18 hệ phái Tin Lành hoạt động. Tuy nhiên, một đặc điểm thể hiện rất rõ là sự phát triển giữa các hệ phái không đều nhau mà tập trung chủ yếu ở hệ phái TLVN (MN). Đặc điểm này thể hiện xuyên suốt không chỉ trong giai đoạn 1986-2016 mà ngay cả trong những giai đoạn trước đó, hệ phái TLVN (MN) cũng chiếm đại đa số trong tín đồ đạo Tin Lành tại Gia Lai. Đến cuối năm 2016, số tín đồ của hệ phái TLVN (MN) là 117.190 tín đồ/ 127.248 tín đồ, tức là chiếm đến 92,09% tổng số tín đồ. 17 hệ phái còn lại chỉ chiếm 7,91% số lượng tín đồ⁶.

Đáng chú ý, một số hệ phái không những số lượng tín đồ không tăng mà còn giảm, không ổn định, như: Menonite (Nguyễn Quang Trung), Cơ đốc Phục lâm, Phúc âm đời đời, Giám lý, Báp tit sắc tộc Cộng đồng, Trưởng Lão. Trong đó, hệ phái Menonite (Nguyễn Quang Trung) từ 340 tín đồ năm 2014 giảm chỉ còn 164 tín đồ năm 2016, giảm đến hơn 50%; hệ phái Báp tit sắc tộc Cộng đồng từ 47 tín đồ năm 2014 còn 23 tín đồ năm 2016, giảm hơn 50% và phần lớn số lượng tăng giảm không đều này là do chuyển từ hệ phái này sang hệ phái khác.

Không chỉ có tín đồ đông nhất, hệ phái TLVN (MN) tại Gia Lai còn có số lượng Mục sư, truyền đạo nhiều hơn rất nhiều so với các hệ phái khác tại địa phương này. Tính đến cuối năm 2004, Gia Lai chỉ có 28 mục sư, mục sư nhiệm chức, nhưng đến 2016, 18 hệ phái trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã có đến 202 người (53 mục sư, 63 mục sư nhiệm chức và 86 truyền đạo). Trong đó, riêng hệ phái TLVN (MN) có đến 75 người (22 mục sư, 44 mục sư nhiệm chức và 9 truyền đạo), chiếm đến 37,12%, nếu tính riêng số lượng mục sư thì hệ phái TLVN (MN) chiếm 22/53 người (41,5%), mục sư nhiệm chức 44/63 người (70%)⁷.

Số cơ sở thờ tự của hệ phái TLVN (MN) cũng chiếm phần lớn số lượng cơ sở thờ tự của đạo Tin Lành tại Gia Lai. Đến tháng 10.2016, số cơ sở thờ tự của các hệ phái Tin Lành ở Gia Lai là 154, trong đó có 30 nhà thờ và 124 nhà nguyện, nhưng số nhà thờ chủ yếu là của hệ phái TLVN (MN) với 27/30 nhà thờ [7, tr.1].

Sở dĩ đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển nhiều nhất ở hệ phái TLVN (MN) bởi đây là hệ phái du nhập vào Tây Nguyên nói chung và Gia Lai nói riêng sớm nhất, từ năm 1929 hệ

⁶ Sự tính toán của tác giả trên cơ sở số liệu thu thập được.

⁷ Sự tính toán của tác giả trên cơ sở số liệu thu thập được.

phái TLVN (MN) đã có mặt ở Lâm Đồng, những năm 30 của thế kỷ XX đã có mặt tại tỉnh Gia Lai. Đây cũng là hệ phái được công nhận tư cách pháp nhân sớm nhất so với các hệ phái Tin Lành khác ở miền Nam. Do đó, hệ phái TLVN (MN) có hệ thống tổ chức chặt chẽ, cơ sở đào tạo mục sư, truyền đạo được xây dựng từ sớm vì vậy đội ngũ mục sư, truyền đạo của hệ phái này đông đảo, được đào tạo bài bản.

2.2.2.3. Đạo Tin Lành phát triển không đều giữa các địa bàn trong tỉnh

Ở Gia Lai đến năm 2016, đạo Tin Lành đã có mặt ở 17/17 huyện, thị xã, tuy nhiên số lượng tín đồ không đồng đều ở các địa phương. Một số địa bàn có số tín đồ rất đông, như ở thời điểm cuối 2016, huyện Đăk Đoa có 32.352 tín đồ [8, tr.1] (chiếm đến 25,43% số tín đồ toàn tỉnh và chiếm khoảng 32% dân số của huyện Đăk Đoa), huyện Chư Pưh 12.642 tín đồ [9, tr.1] (chiếm 9,9% số tín đồ toàn tỉnh và chiếm 17,8% dân số huyện Chư Pưh), huyện IaPa 10.916 tín đồ [10, tr.1] (chiếm gần 8,6% số lượng tín đồ toàn tỉnh và chiếm khoảng 16% dân số toàn huyện); thành phố Pleiku mặc dù là địa bàn có số lượng tín đồ đông thứ 2 toàn tỉnh (chỉ sau huyện Đăk Đoa), nhưng do dân số Pleiku đông nên số lượng tín đồ chỉ chiếm khoảng 4,2% dân số, với 14.534 người [11, tr.1] (chiếm 11,4% tín đồ toàn tỉnh). Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số địa phương tín đồ rất ít, như huyện Kông Chro chỉ có 39 tín đồ [12, tr.1] (chiếm 0,03% tổng số tín đồ và chiếm 0,07% dân số toàn huyện), huyện Đăk Pơ cũng chỉ có 139 [13, tr.1] (chiếm 0,1% và chiếm 0,34 % dân số toàn huyện) tín đồ, đặc biệt ở huyện K'Bang chỉ có 16 tín đồ [14, tr.1] (chiếm 0,01% tổng số tín đồ và chiếm 0,02% dân số huyện K'Bang) mà thôi.

Các cơ sở thờ tự cũng phân bố không đều tại các địa phương, chủ yếu tập trung tại những huyện, thị có số lượng tín đồ đông như thành phố Pleiku có 7 nhà thờ, 4 nhà nguyện, đặc biệt ở huyện Đăk Đoa cũng có 7 nhà thờ nhưng số nhà nguyện lên đến 83. Trong khi đó ở một số địa phương mặc dù có các hệ phái Tin Lành đang hoạt động nhưng không có nhà thờ và cả nhà nguyện, ví dụ huyện Đăk Pơ, Kông Chro, Chư Prông, K'Bang, thị xã An Khê.

3. KẾT LUẬN

Là một tôn giáo du nhập vào tỉnh Gia Lai khá muộn, tuy nhiên, đến nay đạo Tin Lành đã trở thành một tôn giáo lớn trong tỉnh, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cộng đồng các DTTS tỉnh Gia Lai. Trong giai đoạn 1986-2016, sự phát triển của đạo Tin Lành ở Gia Lai có các đặc điểm như: đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển nhanh so với các tôn giáo khác và so với các địa phương khác trong khu vực; đạo Tin lành ở Gia Lai phát triển không đều trên nhiều phương diện như về thành phần dân tộc, về địa bàn và giữa các hệ phái với nhau. Điều này góp phần tạo nên nét riêng trong sự phát triển của đạo Tin Lành ở Gia Lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tôn giáo thành phố Đà Nẵng (2016). *Số liệu đạo Tin Lành tại thành phố Đà Nẵng*, tài liệu lưu tại Ban Tôn giáo thành phố Đà Nẵng.
- [2] Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng (2016). *Số liệu đạo Tin Lành tại tỉnh Lâm Đồng*, tài liệu lưu tại Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng

- [3] Ban Tôn giáo tỉnh Kon Tum (2016). *Số liệu đạo Tin Lành tại Kon Tum*, tài liệu lưu tại Ban Tôn giáo tỉnh Kon Tum.
- [4] Công an tỉnh Gia Lai (12/1995). *Báo cáo tình hình đạo Tin Lành ở Gia Lai và đề xuất giải pháp*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [5] Công an tỉnh Gia Lai (2000). *Số liệu tổng hợp chi hội, tín đồ Tin Lành tỉnh Gia Lai*, hồ sơ lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [6] Công an tỉnh Gia Lai (2016). *Thống kê số liệu đạo Tin Lành*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [7] Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai (2016). *Danh sách cơ sở thờ tự tôn giáo trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, hồ sơ lưu tại Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai.
- [8] Công an huyện Đăk Đoa (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [9] Công an huyện Chư Puh (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [10] Công an huyện Ia Pa (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [11] Công an thành phố Pleiku (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [12] Công an huyện Kông Chro (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [13] Công an huyện Đăk Pơ (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [14] Công an huyện K'Bang (2016). *Báo cáo về công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Công an tỉnh Gia Lai.
- [15] HTTLVN (MN) (2008). *Kỷ yếu Kỷ niệm 65 năm Tin Lành đến Gia Lai*, tài liệu lưu tại HTTLVN (MN) tỉnh Gia Lai.
- [16] Đoàn Triệu Long (2004). *Hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép ở Gia Lai hiện nay – Thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Tôn giáo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [17] Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai – Unicef (2015). *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Gia Lai*, tài liệu lưu trữ tại UBND tỉnh Gia Lai.
- [18] Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đăk Lăk (2015). *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, ngày 12-5-2015.

Title: THE DEVELOPMENT CHARACTERISTICS OF THE PROTESTANTISM IN THE COMMUNITY OF ETHNIC MINORITIES IN GIA LAI PROVINCE PERIOD 1986-2016

Abstract: Officially present in Gia Lai from 1938, lasting for 70 years, Protestantism has developed strongly, becoming one of the most influential religions in this locality. The paper will analyze the evolving characteristics of the Protestantism in the community of the ethnic minorities in Gia Lai province during 1986-2016, such as: fast growing Protestantism in Gia Lai; developing primarily in the community of the Jai and the Bahnar; Protestantism in Gia Lai develops unevenly among sects and areas of the province.

Keywords: Characteristics, development, ethnic minorities, Gia Lai, Protestant.